



Nghi Xuân, ngày 09 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội 10 tháng năm 2017
và nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới
(*Phục vụ các Đại biểu tham dự Hội nghị tiếp xúc cử tri*
trước kỳ họp thứ 5, HĐND huyện khóa XX)

A. Tình hình kinh tế - xã hội 10 tháng năm 2017

Mười tháng năm 2017, Huyện Nghi Xuân triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội theo Nghị quyết kỳ họp thứ 2, thứ 3, HĐND huyện khóa XX, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thời tiết, dịch bệnh diễn biến bất thường, ảnh hưởng bởi các cơn bão số 2, số 4 và số 10; giá cả thị trường giảm sút (đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp); hậu quả do sự cố môi trường biển tiếp tục ảnh hưởng lớn tới đời sống, sản xuất, kinh doanh cũng như tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn cả trước mắt và lâu dài...; Nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, sự đồng thuận, nỗ lực của toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp nên tình hình KT-XH 10 tháng năm 2017 trên địa bàn cơ bản ổn định và đạt được một số kết quả trên các lĩnh vực như sau:

I. Lĩnh vực kinh tế

1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản; phòng chống thiên tai

Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá so sánh) ước đạt 680 tỷ đồng, tăng 0,56% so cùng kỳ; Cả năm ước đạt 723 tỷ đồng, đạt 71,19% KH.

1.1. Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng đạt 9.010,8 ha, tăng 137,6 ha so với cùng kỳ, đạt 102,16% kế hoạch; nhưng do ảnh hưởng thời tiết, phát sinh bệnh Đạo ôn cỏ bông làm cho 2.099 ha lúa bị nhiễm bệnh nặng, trong đó có 1.721,9 ha bị thiệt hại trên 70% (sản lượng giảm 56% so với cùng kỳ năm 2016).

Chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu kịp thời¹. Kết quả SX Vụ Hè Thu: Lúa 759,4 ha, đạt 126,57% KH, năng suất 40,01 tạ/ha, sản lượng 3.038,3/2.430 tấn đạt 125%KH. Vừng 300/320 ha đạt 93,75%KH. Đậu 92,2/180 ha đạt 51,2%KH, năng suất 5,1 tạ/ha, sản lượng 470,2/864 tấn đạt 54,4%KH. Khoai lang 101/150 ha, đạt 67,4% KH, năng suất 49,41 tạ/ha, sản lượng 499,2/837 tấn đạt 60% KH. Ngô 94,3/85 ha, đạt 110,9% KH, Năng suất 11,45 tạ/ha, sản lượng 108/101 tấn, đạt 106,8% KH. Rau 147,2/150 ha, đạt 98,1% KH, năng suất 112,79 tạ/ha, sản lượng 1.660/1.738 tấn, đạt 95,5% KH. Lúa vụ Mùa gieo cấy diện tích ước đạt 480/550 ha, đạt 87,3% KH

¹ Cấp phát 45 tấn lúa giống của tỉnh hỗ trợ cho nông dân sản xuất vụ Hè Thu, trị giá 1.350 triệu đồng; trích ngân sách huyện hỗ trợ 491 triệu đồng cho sản xuất lúa vụ Mùa và các loại cây trồng cận; 524 triệu cho diện tích sản xuất lúa Hè Thu.

Về tiến độ sản xuất Vụ Đông, đến nay đã gieo trồng: Khoai lang 367/800 ha, đạt 45,8% KH; Rau các loại 45/250 ha, đạt 18% KH.

1.2. *Chăn nuôi*: Thực hiện tốt công tác phòng, chống không để dịch bệnh xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm (tổng đàn trâu, bò 15.855 con; đàn lợn 22.447; đàn gia cầm 520.000 con);

Thường xuyên kiểm tra, giám sát, quản lý khá tốt giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh nên các loại dịch bệnh nguy hiểm gia súc, gia cầm không để phát sinh trên địa bàn².

1.3. *Lâm nghiệp*: Tuyên truyền, vận động toàn dân tham gia tốt công tác BVR, PTR và PCCCR; trồng thêm được trên 44.000 cây phân tán.

1.4. *Thủy sản*: Tổng sản lượng ngành thủy sản đạt 8.516 tấn, tăng 6,88% so cùng kỳ; Cả năm ước đạt 9.822 tấn, đạt 98,22% KH. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 786,6/754 ha, tăng 3,42% so cùng kỳ, cả năm ước đạt 787 ha, đạt 104,32% KH. Sản lượng nuôi trồng đạt 1.611 tấn, giảm 10% so cùng kỳ, cả năm ước đạt 1.848 tấn, đạt 104,11% KH. Sản lượng khai thác đạt 6.905/8.225 tấn, tăng 11,8% so với cùng kỳ, cả năm ước đạt 7.974 tấn, đạt 96,94% KH.

Duy trì đội tàu, thuyền đánh bắt 842 chiếc (trong đó có 36 tàu xa bờ, công suất trên 90 CV). Hỗ trợ ngư dân đóng tàu: Theo Nghị định 67 của Chính phủ (01 tàu đã hoàn thành và đã hạ thủy, 03 tàu đã hoàn thành khối lượng trên 70%, 01 tàu hoàn thành trên 20%). Theo Quyết định 12 của Thủ tướng Chính phủ có 19 hộ ngư dân của các xã đăng ký đóng mới (tàu vỏ gỗ 17 chiếc, tàu vỏ Composite 02 chiếc).

1.5. Công tác bồi thường sự cố môi trường biển:

Đã thẩm định, áp giá và phê duyệt đối tượng bị thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn và được UBND tỉnh phê duyệt 08 đợt với số tiền 181,995 tỷ đồng, đến nay đã chi trả 177.888 tỷ đồng, đạt 96,7%, còn lại 4,07 tỷ đồng (do đang hoàn chỉnh hồ sơ các đối tượng bị ảnh hưởng nhưng đi xuất khẩu lao động).

1.6. Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn

Tổng kết, đánh giá công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2016; chủ động triển khai các phương án PCTT, TKCN, phòng chống bão mạnh, siêu bão, đối phó nước biển dâng năm 2017 (chú trọng các công trình, địa bàn trọng điểm; chủ động nguồn lực “4 tại chỗ” và thực tế đã chủ động đối phó, hạn chế thiệt hại và khắc phục kịp thời ảnh hưởng do các cơn bão: số 2, số 4 và số 10, đảm bảo đời sống cho người dân); các cơn bão số 2, 4, 10 gây ra thiệt hại trên địa bàn hơn 94 tỷ đồng.

Trích ngân sách hỗ trợ khẩn cấp khắc phục thiệt hại cho 8 hộ bị sập nhà 40 triệu đồng (5 triệu/hộ); hỗ trợ cho các hộ bị tốc mái, hư hỏng nhà từ 30 – 70% 80 triệu đồng. Cấp kịp thời 500 triệu đồng hỗ trợ các trường học bị thiệt hại khắc phục để ổn định công tác dạy và học. Hiện nay công tác khắc phục thiệt hại do các cơn

² Công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đợt 1: Trâu bò 54,8%, lợn 71,8%, chó 28%, gia cầm 7,94%. Đợt 2: Vắc xin LMLM trâu bò được 2.500 liều/13.600 liều đạt 18,4% KH, Vắc xin THT trâu bò được 2.500 liều/13.600 liều đạt 18,4%.

bão năm 2017 gây ra cơ bản đã hoàn thành, huyện đang tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất để ổn định và nâng cao đời sống nhân dân

2. Công tác Quy hoạch, phát triển CN-TTCN và thu hút đầu tư

Giá trị sản xuất ngành (theo giá so sánh) ước đạt 1.571 tỷ đồng, tăng 14,1% so với cùng kỳ; cả năm ước đạt 1.958 tỉ đồng, đạt 102,84% KH.

Ban hành Chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU ngày 24/02/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Khóa XXI về phát triển và quản lý đô thị trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030; hoàn thành việc lập đề cương nhiệm vụ, dự toán lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghi Xuân và đã được UBND tỉnh phê duyệt. Triển khai thực hiện đồ án Quy hoạch phân khu thị trấn Nghi Xuân và vùng phụ cận, tỷ lệ 1/2000 và Quy hoạch phân khu thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân, tỷ lệ 1/2000; quy hoạch phân khu xây dựng vùng nuôi tôm trên cát huyện Nghi Xuân, tỷ lệ 1/2000 và Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết bãi tắm ngoài Lạch đào Khu du lịch Xuân Thành, tỷ lệ 1/500.

Chấp thuận chủ trương đầu tư 09 dự án có sử dụng đất (diện tích 286.598m², tổng mức đầu tư 39,15 tỷ đồng); phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư trình chấp thuận chủ trương đầu tư 19 dự án có sử dụng đất trên địa bàn huyện (diện tích: 2.226.086 m²; tổng mức đầu tư: 2.529 tỷ đồng).

3. Thương mại - dịch vụ và quản lý thị trường

Giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ (Giá so sánh) ước đạt 1.444,8 tỷ đồng; tăng 3,42% so với cùng kỳ; cả năm ước đạt 1.582 tỉ đồng, đạt 100% KH. Thu hút nhiều lao động, có thu nhập khá, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa phương. Công tác quản lý thị trường, chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng được quan tâm, bảo vệ tốt người tiêu dùng³; tích cực đẩy mạnh công tác chuyển đổi mô hình quản lý chợ trên địa bàn.

4. Quản lý tài nguyên-môi trường và công tác BT-GPMB các dự án

Công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên, khoáng sản từng bước được chấn chỉnh. Cơ bản hoàn thành việc đo vẽ, lập hồ sơ, bản đồ địa chính và cấp giấy CNQSD đất cho nhân dân. Việc thu gom, phân loại, xử lý rác thải trên địa bàn được chú trọng với nhiều giải pháp đồng bộ và ngày càng chuyên biến tích cực. Hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp NUTRECO Hà Tĩnh. Phê duyệt phương án bồi thường, GPMB 02 dự án: Dự án xây dựng đường trục ngang và Dự án Nâng cấp đường Gia Lách đi khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du, huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh (GDD2).

5. Tài chính, tín dụng, đầu tư, xây dựng và phát triển doanh nghiệp

Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 159,369/125 tỷ đồng, tăng 49,19% so cùng kỳ (trong đó: Thu ngân sách từ nguồn cấp quyền SĐĐ 91,159 tỷ đồng/53 tỷ, đạt

³ Trong 10 tháng đầu năm 2017 đã xử lý hành chính 06 hộ, số tiền 16,2 triệu đồng; phối hợp Đội quản lý thị trường số 2 đã kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính 133 vụ/164 hành vi và phạt hành chính 159.700.000 đồng, hàng tịch thu 34.400.000 đồng. Phối hợp Sở Khoa học & Công nghệ kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính 50.000.000 đồng và tịch thu 986 vỏ bình ga của Công ty TNHH khí ga hóa lỏng Nghệ An tại xã Xuân Viên

172%); cả năm ước đạt 180 tỷ đồng, đạt 144% KH. Chi ngân sách cơ bản đảm bảo nhu cầu theo kế hoạch và đáp ứng nhiệm vụ chi thường xuyên cũng như đột xuất.

Tập trung xử lý nợ ĐT-XDCB và giải ngân vốn các chương trình mục tiêu Quốc gia. Tính đến ngày 30/10/2017 tổng nợ xây dựng cơ bản trên toàn huyện 104,5 tỷ đồng. Tổng nguồn vốn xây dựng cơ bản huyện 152.627 triệu đồng, đã giải ngân 85.213 triệu đồng đạt 55,8%. Tổng dư nợ cho vay ước đạt 1.199 tỷ đồng đạt 96% KH. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 983,459 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ.

Quyết toán 22 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng (trong đó UBND tỉnh phê duyệt 8 công trình và UBND huyện phê duyệt 14 công trình).

Thành lập mới 36 doanh nghiệp, 03 hợp tác xã (*hiện có 293 doanh nghiệp, 87 hợp tác xã đang hoạt động*). Tổng số hộ kinh doanh cá thể: 3.040 hộ.

II. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

Có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là tuyên truyền, quảng bá các tiềm năng, lợi thế; bảo tồn, phát huy tốt các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể góp phần thu hút đầu tư, phục vụ cho phát triển KT-XH huyện nhà nhanh và bền vững; hoàn thiện tua, tuyến du lịch lưu trú trải nghiệm NTM gắn với du lịch biển, danh lam, thắng cảnh, du lịch văn hóa tâm linh (khai trương tuyến du lịch Du thuyền trên Sông Lam, một mô hình du lịch mới, có nhiều triển vọng) trên địa bàn. Trong kỳ Ước đón trên 262.000 lượt khách về tham quan du lịch trên địa bàn huyện (trong đó, Du lịch biển khoảng 116.080 lượt; khách quốc tế khoảng 4.600 lượt).

Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được giữ vững và nâng lên cả đại trà và mũi nhọn; công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh, huy động các nguồn lực để xây dựng các trường học đạt chuẩn quốc gia; Tiếp tục nâng cao tỷ lệ huy động trẻ vào nhà trẻ, tỷ lệ đạt 30,7%, tỷ lệ huy động mẫu giáo đạt 100%. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ tốt, được phụ huynh tin tưởng, xã hội thừa nhận⁴. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành Nhà nước từ huyện đến cơ sở; đưa CNTT về tận thôn, tổ dân phố. Tổ chức tốt Hội thi sáng tạo kỹ thuật lần thứ 9, cuộc thi sáng tạo thanh, thiếu niên, nhi đồng lần thứ 8⁵.

Chất lượng khám, chữa bệnh có nhiều chuyển biến tích cực, đảm bảo ngày càng tốt hơn nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; thực hiện kịp thời chế độ của các đối tượng Người có công, đảm bảo an sinh xã hội. Giải quyết việc làm cho 3.430 lao động, đạt 85,75% KH, cả năm ước đạt 100% KH. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 93,9%, cả năm ước đạt 105,32% KH.

III. Quốc phòng - an ninh, nội chính và một số nhiệm vụ khác

⁴ 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần; 99% trẻ ăn được ăn bán trú (trừ 13 trẻ ở điểm 2 của Xuân Giang); 100% trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ và 100% trẻ em 5 tuổi được đánh giá theo bộ chuẩn phát triển; 100% trường tiểu học tổ chức dạy 2 buổi 1 ngày, 19/19 trường tiểu học tổ chức bán trú cho học sinh với 2952 học sinh tham gia tỷ lệ đạt 40%.

⁵ có 35 sản phẩm tham gia trong đó 25 sản phẩm đạt giải, chọn 15 sản phẩm tham gia Hội thi, Cuộc thi ở tỉnh, trong đó có 03 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh và được tham gia cuộc thi toàn quốc và 01 sản phẩm đạt giải nhì.

Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; đảm bảo ANCT, TTATXH trong mọi tình huống được Tỉnh đánh giá cao; chủ động lực lượng tham gia có hiệu quả công tác PCCCR, PCTT-TKCN trên địa bàn.

Đẩy mạnh cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính; nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN từ huyện đến cơ sở; triển khai xây dựng Trung tâm hành chính công của huyện.

Hoạt động Tư vấn, hòa giải ở cơ sở và công tác tiếp dân, giải quyết KN-TC được quan tâm, tập trung cao, giải quyết được nhiều vụ việc phức tạp, kéo dài: Tổ chức 20 phiên, tiếp 335 công dân với 133 lượt người, số công dân đến tiếp dân tăng hơn gấp hơn 4 lần so với cùng kỳ năm 2016 chủ yếu do liên quan sự cố môi trường; tiếp nhận và xử lý 99 vụ việc (04 KN, 02 TC, 93 KNPA)

IV. Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM

Tăng cường các Đoàn, Tổ công tác của Huyện ủy cùng với các phòng, ban UBND huyện thường xuyên chỉ đạo cơ sở; các địa phương đều chủ động nhất là sự vào cuộc, tham gia tích cực của người dân. Phong trào xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu được các địa phương quan tâm đẩy mạnh. Phát triển các mô hình, hình thức tổ chức sản xuất đạt kết quả khá. Đến nay không còn xã dưới 11 tiêu chí, 5 xã đăng ký đạt chuẩn năm 2017 đã cơ bản hoàn thành 14-15 tiêu chí, không còn nội dung bất khả kháng, nhóm xã phấn đấu đạt chuẩn 2017 đã có sự nỗ lực lớn, tạo nền tảng hoàn thành đạt chuẩn đầu năm 2018.

Hình thành 65 mô hình (11MH lớn, 22 MH vừa, 32MH nhỏ) lũy kế mô hình 674 MH (97 lớn, 108 vừa, 469 nhỏ) có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở lên. Thành lập mới 13 Tổ hợp tác; lũy kế 123 tổ hợp tác. Triển khai làm được 23,54 km/38,06km đường giao thông đạt 61,9% kế hoạch, 0,78/2,16km kênh mương đạt 36,16% kế hoạch và 7,76/9,52 km rãnh thoát nước đạt 82% kế hoạch đề ra theo chương trình hỗ trợ xi măng của tỉnh; ngoài ra các xã làm được trên 3,55 km đường bê tông, 16,5km đường nội đồng cấp phối, 14,35 km mương thoát nước dân cư, 3,52 km KMNĐ; nâng cấp, xây mới 21 nhà văn hóa thôn, 3 khu thể thao thôn, 1 NVH xã (Xuân Giang) 1 khu thể thao xã (Xuân Đan), hoàn thiện 01 chợ đạt chuẩn (Xuân Yên); xây dựng 3 trạm y tế chuẩn (Xuân Hải, Xuân Giang, Xuân Đan), xây dựng hoàn thiện 6 nhà đa năng trường tiểu học, tiếp tục hoàn thiện 11 công trình trường học...)

Xây dựng NTM một cách bền vững dựa trên những giá trị văn hóa, tiềm năng lợi thế của địa phương; Du lịch trải nghiệm NTM được hình thành và phát huy hiệu quả đang tiếp tục nhân rộng trong thời gian tới với những sản phẩm truyền thông gắn với làng xã và chính người dân được tham gia, hưởng lợi.

Triển khai thực hiện Đề án xây dựng huyện đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2019; cơ chế huy động nguồn lực để thực hiện các dự án theo thứ tự ưu tiên gắn với đạt chuẩn các tiêu chí huyện NTM phấn đấu hoàn thành vào năm 2019.

B. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

I. Tồn tại, hạn chế

Diện tích một số cây trồng vụ Xuân không đạt kế hoạch đề ra, năng suất, sản lượng sụt giảm; công tác phát hiện, phòng, trừ sâu bệnh thiếu kịp thời, không đạt yêu cầu dẫn đến bệnh Đạo ôn cổ bông phát sinh gây hại mạnh, ảnh hưởng nghiêm trọng, sản lượng lúa thấp, không đạt KH đề ra. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực giống và vật tư nông nghiệp còn yếu kém. Chưa có các giải pháp căn cơ nhằm hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn. Chưa có mặt hàng, sản phẩm có quy mô lớn, có tính bền vững.

Công tác kiểm tra, thẩm định, bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển còn chậm, thiếu cương quyết và còn những sai sót, thiếu công bằng, dẫn đến bất bình, khiếu nại trong nhân dân.

Công tác Quản lý nhà nước về tài nguyên-môi trường còn gây nhiều bức xúc trong nhân dân (nhất là tình hình khai thác cát sỏi và xử lý rác thải trên địa bàn). Công tác BT-GPMB một số dự án trên địa bàn còn khó khăn, vướng mắc.

Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn nhiều khó khăn. Nguồn lực chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư, đặc biệt là nguồn cân đối ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên để thực hiện các dự án đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng đảm bảo cho các xã đạt chuẩn NTM.

Chất lượng Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa chưa cao. Môi trường, sinh thái nông thôn còn nhiều bức xúc, đặc biệt xử lý nước thải, rác thải. Việc tổ chức thực hiện Quy chế về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội chưa được thực hiện nghiêm túc.

Công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng được với yêu cầu. Trên một số mặt còn bộc lộ hạn chế; kỷ luật, kỷ cương hành chính của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức có nơi, có lúc chưa nghiêm, còn tình trạng làm việc qua loa, thiếu cụ thể, sâu sát, tiếp nhận và xử lý thông tin thiếu kịp thời. Tình hình đơn thư, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn còn diễn biến phức tạp; một số phòng, ban, địa phương chưa chủ động giải quyết có hiệu quả các kiến nghị, phản ánh của công dân.

II. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

1. Nguyên nhân khách quan

Thời tiết diễn biến bất thường, bệnh Đạo ôn cổ bông trên cây lúa gây thiệt hại trên diện rộng; hậu quả do sự cố môi trường biển đã ảnh hưởng trực tiếp cả trước mắt và lâu dài; hậu quả do các cơn bão số 2, số 4 và số 10 để lại; giá cả thị trường giảm sút (đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp).

2. Nguyên nhân chủ quan

Quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn buông lỏng, hiệu quả chưa cao. Công tác tham mưu, chỉ đạo, xử lý ở một số đơn vị, địa phương chưa thực sự chủ động, chưa nắm chắc tình hình, chậm chuyển biến; trách nhiệm người đứng đầu còn hạn chế. Sự phối hợp giữa một số ngành, đơn vị, địa phương và cả hệ thống chính trị chưa thực sự đồng bộ, thiếu chặt chẽ.

Trình độ, năng lực một bộ phận cán bộ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu được giao, dẫn đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách hiệu quả chưa cao; một số phòng, ban chậm được kiện toàn, bổ sung biên chế.

Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến công tác cải cách hành chính và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; chưa tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vấn đề phức tạp, tồn đọng và mới nảy sinh ở cơ sở; còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại, đùn đẩy trách nhiệm lên cấp trên.

C. Nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm 2 tháng cuối năm 2017

I. Về phát triển kinh tế

1. Công tác quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, xây dựng hạ tầng KTXH

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án quy hoạch: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nghi Xuân, quy hoạch phân khu thị trấn Nghi Xuân và thị trấn Xuân An, lập quy hoạch chi tiết 02 đô thị Xuân Thành và Cương Gián.

Tập trung các hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư và thành lập, phát triển Doanh nghiệp, HTX và các loại hình sản xuất - kinh doanh khác. Tạo mọi điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp, thực hiện tốt các hoạt động thu hút đầu tư trên địa bàn.

Tập trung triển khai nhanh các quy trình, thủ tục hành chính trong chấp thuận các chủ trương đầu tư các dự án gắn với việc kiểm tra, rà soát đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đúng cam kết sau khi được chấp thuận theo đúng quy định hiện hành và xử lý kịp thời các vướng mắc, khó khăn của các công trình, dự án; chỉ đạo, đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án và đơn vị thi công triển khai đúng tiến độ các công trình, dự án nhằm đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành 100% kế hoạch và giải ngân vốn đầu tư năm 2017 đặc biệt là nguồn vốn Trung ương thực hiện các Chương trình MTQG.

Tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công. Kiểm sát chặt chẽ quy mô các dự án, rà soát giảm bớt các nội dung đầu tư, cắt giảm những chi phí, hạng mục chưa cần thiết của các dự án chậm tiến độ để đảm bảo nguồn lực hoàn thành dự án hoặc xem xét dừng, hoãn tiến độ các dự án chưa thực sự cấp bách có nhu cầu vốn lớn để tập trung cho các dự án trọng điểm, cấp bách có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư.

Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, huy động tối đa các nguồn lực thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tập trung thi công và đưa vào sử dụng các công trình dở dang⁶.

2. Sản xuất nông, lâm, thủy sản

Tập trung chỉ đạo quyết liệt sản xuất vụ Đông vượt chỉ tiêu kế hoạch để bù đắp vào sản lượng thiếu hụt do mất mùa trong vụ Xuân, Hè Thu. Có chính sách hỗ trợ giống kịp thời động viên nhân dân tích cực sản xuất, tăng cường công tác chỉ

⁶ Tuyến 2 và tuyến 3 thuộc công trình: Nâng cấp đường Gia Lách đi Khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du (giai đoạn 2); Tuyến đường GTNT vào khu trang trại chăn nuôi tập trung xã Xuân Viên; Cải tạo nâng cấp tuyến Đường Mỹ - Thành - Hoa huyện Nghi Xuân...

đạo, hướng dẫn nhân dân chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh kịp thời, không để sâu bệnh phát sinh gây hại.

Tổ chức rà soát, đánh giá tình hình phát triển chăn nuôi trong thời gian qua, đề xuất các chính sách hỗ trợ phát triển ngành chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn; nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chăn nuôi tập trung phù hợp với sự phát triển trong thời gian tới. Triển khai thực hiện các giải pháp phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn cho ngành chăn nuôi.

Tập trung rà soát, hoàn thành chi trả bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển theo đúng quy định (có giải pháp kịp thời giải quyết dứt điểm các kiến nghị của người dân). Tiếp tục triển khai hiệu quả chính sách cho ngư dân vay vốn để đánh bắt xa bờ theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ và Quyết định 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành chính sách khôi phục sản xuất và an sinh xã hội cho ngư dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển.

3. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Thường xuyên theo dõi bám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp để giúp đỡ tháo gỡ khó khăn kịp thời nhằm đẩy mạnh các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu, mở rộng thị trường.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về Thương mại - Dịch vụ. Tập trung cao cho công tác tuyên truyền vận động và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý chợ Giang Đình, chợ thị trấn Xuân An. Tập trung xúc tiến đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Gia Lách, Cụm công nghiệp Xuân Lĩnh, Khu đô thị mới Xuân An... tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp chế biến trên địa bàn.

Tăng cường công tác quản lý thị trường, đẩy mạnh việc sử dụng, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm sản xuất trong tỉnh, trong huyện và triển khai kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại trên địa bàn

4. Lĩnh vực tài nguyên-môi trường và GPMB các dự án

Hoàn thành công tác kiểm tra bản đồ sau khi cấp giấy đối với các xã còn lại; Hoàn thành việc điều tra, lập dự toán thu, chi đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; hồ sơ điều chỉnh QH sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020 và hồ sơ dự toán ngân sách hỗ trợ Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, hoàn thiện các điểm quy hoạch và công nghệ xử lý rác thải trên địa bàn. Tổ chức chi trả tiền BT-GPMB cho các hộ dân bị ảnh hưởng Dự án Nâng cấp đường Gia Lách đi khu di tích Đại thi hào Nguyễn Du. Hoàn thiện phương án BTGPMB Dự án xây dựng khu dân cư NTM An Phúc Lộc và Cường Thịnh, xã Xuân Liên, Khu đô thị mới Xuân An.

5. Tài chính, ngân sách và phát triển kinh doanh nghiệp, HTX

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài chính-ngân sách; đẩy nhanh tiến độ thanh, quyết toán, giải ngân các nguồn vốn, xử lý kịp thời một số tồn tại, hạn chế của một số địa phương, nâng cao hiệu quả chi ngân sách; quản lý tốt ngân sách dự

phòng và nguồn tiết kiệm chi để chủ động phòng chống thiên tai, dịch bệnh và triển khai các chính sách an sinh xã hội; xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2018.

Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật về thuế và triển khai đồng bộ các giải pháp chống thất thu thuế. Đẩy mạnh việc tư vấn, phát triển DN, HTX; xây dựng mô hình phát triển sản xuất để tăng thu nhập cho người dân; thực hiện nhanh gọn thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án để thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân và tăng thu cho ngân sách.

II. Văn hóa - Xã hội

1. Văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, thông tin, thể thao, du lịch, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị trên địa bàn. Tiếp tục triển khai có hiệu quả mô hình du lịch trải nghiệm NTM gắn với du lịch biển, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tạo nên các tuor du lịch trên địa bàn Nghi Xuân.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá, dịch vụ văn hoá, nhất là tại các di tích lịch sử và danh thắng; tiếp tục chỉ đạo, nâng cao chất lượng phòng trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, gắn hiệu quả với phong trào thi đua Toàn dân chung sức xây dựng huyện đạt chuẩn NTM, đô thị văn minh. Tổ chức tuyên truyền nhân các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước

Tiếp tục tuyên truyền, thông báo rộng rãi về Cuộc thi sáng tác biểu trưng huyện Nghi Xuân. Nâng cao chất lượng truyền thanh, truyền hình, Cổng Thông tin điện tử huyện gắn ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính và các tiêu chí xây dựng NTM theo kế hoạch đã đề ra; đẩy mạnh các hoạt động quảng bá và thu hút đầu tư, thu hút khách du lịch vào địa bàn.

2. Giáo dục-Đào tạo, Y tế và Dân số-Kế hoạch hóa gia đình

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất, điều kiện dạy học cho các nhà trường; soát xét, đẩy mạnh lộ trình xây dựng trường đạt học chuẩn Quốc gia, trường trọng điểm gắn với xây dựng NTM theo kế hoạch. Tăng cường tổ chức kiểm tra toàn diện, kiểm tra chuyên môn các trường học nhằm chấn chỉnh kỷ cương, nền nếp dạy học và tư vấn cho các nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Chỉ đạo nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi tỉnh, học sinh giỏi Quốc gia.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và Bệnh viện đa khoa huyện (quan tâm KCB BHYT), phòng chống dịch bệnh (nhất là dịch bệnh theo mùa), các chương trình, mục tiêu Quốc gia về y tế; tăng cường quản lý nhà nước về công tác khám chữa bệnh, VSATTP, hành nghề YTTN, Dân số - KHHGD.

3. Lao động-TB&XH, Bảo hiểm xã hội và hoạt động nhân đạo

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ cho các đối tượng chính sách, Người có công trên địa bàn theo đúng quy định; tiếp tục truy thu kinh phí hưởng sai chế độ của các đối tượng trên địa bàn theo Kết luận của Thanh tra Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động; thực hiện tốt chính sách giảm nghèo bền vững. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới và phòng, chống ma túy, mại dâm.

Tăng cường các hoạt động, phong trào tương thân tương ái, giúp đỡ các đối tượng chính sách, đối tượng nạn nhân chất độc da cam, người tàn tật, già cả cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi và trợ giúp nhân đạo cho các đối tượng khó khăn đột xuất.

III. Quốc phòng - an ninh, nội chính

1. Về quốc phòng

Duy trì tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; chủ động tham gia kịp thời, hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Nắm chắc tình hình an ninh tuyến biên, vùng trời. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cụm an toàn làm chủ-sẵn sàng chiến đấu.

2. Về an ninh trật tự và đảm bảo an toàn giao thông

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, hiệu lực quản lý Nhà nước các cấp về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh việc xây dựng, nhân rộng điển hình phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; triển khai có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự, giảm thiểu an toàn giao thông trên địa bàn huyện.

3. Công tác nội chính

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm Hành chính công huyện, Duy trì tốt hoạt động tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông huyện; tiếp tục đầu tư CSVC, trang thiết bị và nâng cao chất lượng, hiệu quả Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các xã, thị trấn. Tiếp tục rà soát các chức danh công chức, viên chức còn thiếu để xây dựng kế hoạch đề nghị UBND tỉnh cho chủ trương tuyển dụng theo quy định. Rà soát, chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158, 150 của Chính phủ và rà soát, lập hồ sơ đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP đợt 1 năm 2018.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, theo dõi việc ban hành VBQPPL.

Duy trì tốt chế độ tiếp dân định kỳ, thường xuyên, đột xuất theo quy định; tổ chức tiếp nhận, phân loại và xử lý kịp thời đơn thư KNTC phát sinh; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc KNTC phức tạp, kéo dài, hạn chế đơn thư khiếu kiện vượt cấp và không để xảy ra điểm nóng. Đảm bảo các điều kiện thiết yếu phục vụ cho công tác quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ của Thường trực HĐND, Lãnh đạo UBND huyện.

IV. Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM

Tập trung cao, ưu tiên cả về lãnh đạo, chỉ đạo và nguồn lực, nhất là nguồn lực xã hội hóa để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, đô thị văn minh một cách toàn diện, có chiều sâu, thực chất và bền vững, xây dựng xã NTM kiểu mẫu, có các giải pháp cụ thể đảm bảo hoàn thành mục tiêu đối với từng địa phương cụ thể. Triển khai đúng kế hoạch xây dựng huyện đạt chuẩn NTM năm 2019 theo thứ tự ưu

tiên các dự án triển khai. Tổ chức hiệu quả, thiết thực Cuộc thi xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh, xây dựng vườn mẫu trên địa bàn huyện. Ưu tiên cao cho phát triển sản xuất, triển khai thực hiện tốt Đề án Mỗi xã mỗi sản phẩm; phân đấu 06 xã về đích NTM năm 2017.

1. Đối với các xã đăng ký, phân đấu đạt chuẩn năm 2017

Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công việc cả trên thực địa và hồ sơ tiêu chí, gắn trách nhiệm của người đứng đầu phụ trách tiêu chí và trách nhiệm của Bí thư, Chủ tịch xã trong quá trình chỉ đạo thực hiện. Phân đấu có 06 xã đạt chuẩn NTM vào cuối năm.

Phát động phong trào trong nhân dân để người dân tham gia tích cực xây dựng NTM bằng những việc làm cụ thể như: Chỉnh trang nhà ở, vườn hộ, công trình chăn nuôi, vệ sinh môi trường ngay trong gia đình mình đến việc chung tay cùng thôn xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu với khí thế thi đua, cổ chuyển biển rõ rệt lên từng ngày trong thời gian tới. Quán triệt cán bộ đảng viên làm trước, cán bộ xã tăng cường về thôn xóm, cầm tay chỉ việc cụ thể..., soát xét từng tiêu chí, đảm bảo đạt cả về hồ sơ, thực địa một cách bền vững

2. Đối với các xã đã đạt chuẩn NTM

Tổ chức soát xét lại cụ thể từng nội dung theo từng tiêu chí theo Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND, có khung kế hoạch thực hiện từng nội dung tiêu chí đảm bảo hoàn thành đạt chuẩn bền vững các tiêu chí. Phối hợp Văn phòng ĐPNNTM tỉnh xây dựng hoàn chỉnh các cơ sở dịch vụ phục vụ du lịch lưu trú trải nghiệm NTM trên địa bàn theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội 10 tháng đầu năm; nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm 2 tháng còn lại năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo các Đại biểu HĐND huyện khóa XX nghiên cứu để chuyển tải đến cử tri tại các cuộc tiếp xúc cử tri ./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- TT UBMTTQ huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Trưởng các phòng ban, ngành, đoàn thể cấp huyện;
- Các ĐB HĐND huyện khóa XX ;
- Lưu: VT, TCKH;
- Gửi: Văn bản giấy và điện tử.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2017 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 2018
(Biểu kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2017 của UBND huyện)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016		Năm 2017							Kế hoạch 2018	Kế hoạch 2018 so với ước thực hiện 2017 (%)	Ghi chú
			Cả năm	10 tháng	Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Thực hiện 10 tháng 2017 so với kế hoạch (%)	Thực hiện 10 tháng 2017 so với cùng kỳ (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2017 so với kế hoạch (%)	Ước thực hiện 2017 so với cùng kỳ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8=7/6	9=7/5	10	11=10/6	12=10/4	13	14	15
I	CÁC CHỈ TIÊU VỀ LĨNH VỰC KINH TẾ													
1	Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất	%	2.24		13.0				6.56			13.84		
2	Cơ cấu kinh tế													
2.1	Nông - Lâm - Thủy sản	%	21.42	22.74	23.98	21.10			19.32			19.44		
2.2	Công nghiệp - xây dựng	%	44.29	39.35	44.79	42.33			46.03			46.49		
2.3	Thương mại - dịch vụ	%	34.29	37.91	31.22	36.57			34.66			34.07		
3	Giá trị sản xuất (Theo giá hiện hành)	Triệu đồng	5.428.520	4.682.765	6.559.084	5.115.042	77.98	109.23	5.909.504	90.10	108.86	6.917.896	117.06	
3.1	Nông - Lâm - Thủy sản	Triệu đồng	1.162.699	1.064.660	1.573.000	1.079.459	68.62	101.39	1.141.504	72.57	98.18	1.344.692	117.80	
3.2	Công nghiệp - xây dựng	Triệu đồng	2.404.198	1.842.900	2.938.084	2.165.179	73.69	117.49	2.720.000	92.58	113.14	3.215.956	118.23	
3.3	Thương mại - dịch vụ	Triệu đồng	1.861.623	1.775.205	2.048.000	1.870.405	91.33	105.36	2.048.000	100.00	110.01	2.357.248	115.10	
4	Giá trị sản xuất (Theo giá so sánh 2010)	Triệu đồng	4.000.346	3.450.671	4.501.574	3.696.446	82.11	107.12	4.262.940	94.70	106.56	4.852.816	113.84	
4.1	Nông - Lâm - Thủy sản	Triệu đồng	739.250	676.916	1.015.574	680.731	67.03	100.56	722.940	71.19	97.79	833.709	115.32	
4.2	Công nghiệp - xây dựng	Triệu đồng	1.796.135	1.376.799	1.904.000	1.570.915	82.51	114.10	1.958.000	102.84	109.01	2.251.172	114.97	
4.3	Thương mại - dịch vụ	Triệu đồng	1.464.961	1.396.956	1.582.000	1.444.800	91.33	103.42	1.582.000	100.00	107.99	1.767.936	111.75	
5	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu/người	30		35				32	91.43	106.67	35	109.38	
6	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Triệu đồng	121.152	106.820	125.000	159.369	127.50	149.19	180.000	144.00	148.57	125600	69.78	
	Trong đó: Thu từ cấp quyền sử dụng đất	Triệu đồng	41.600	41.600	53.000	91.159	172.00	219.13	110.000	207.55	264.42	55000	50	
7	Tổng chi ngân sách	Triệu đồng	802.000		380.706				800.000	210	100	469.990	58.75	
8	Tổng số DN đang hoạt động	DN	257	254	276	293	106.16	115.35	301	109	117	320	106.31	
	Trong đó phát triển mới		38	30	19	36	189.47	120.00	44	232	116	19	43.18	
9	Tổng số HTX đang hoạt động	HTX	89	84	109	87	79.82	103.57	95	87	107	105	110.53	
	Trong đó phát triển mới		22	20	20	3	15.00	15.00	11	55	50	10	90.91	
10	Tổng số THT đang hoạt động	THT	88	111	118	82	69.49	73.87	102	86	116	124	121.57	
	Trong đó phát triển mới		18	40	30	10	33.33	25.00	30	100	167	22	73.33	
11	Tổng vốn đầu tư vào địa bàn	Triệu đồng	1.212.724	883.056	1.768.348	983.459	55.61	111.37	1.350.000	76.34	111.32	1.800.000	133.33	
12	Tổng dư nợ cho vay	Triệu đồng	1.107.264	1.097.691	1.255.000	1.199.931	95.61	109.31	1.235.000	98.41	111.54	1.230.000	99.60	
	Trong đó:													
	- Ngân hàng nông nghiệp	Triệu đồng	603.297	581.063	675.000	640.000	94.81	110.14	675.000	100.00	111.89	650.000	96.3	
	- Ngân hàng chính sách	Triệu đồng	313.767	310.000	350.000	332.596	95.03	107.29	330.000	94.29	105.17	350.000	106.1	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016		Năm 2017								Kế hoạch 2018 so với ước thực hiện 2017 (%)	Ghi chú
			Cả năm	10 tháng	Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Thực hiện 10 tháng 2017 so với kế hoạch (%)	Thực hiện 10 tháng 2017 so với cùng kỳ (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2017 so với kế hoạch (%)	Ước thực hiện 2017 so với cùng kỳ (%)	Kế hoạch 2018		
	- Quỹ tín dụng nhân dân	Triệu đồng	190.200	206.628	230.000	227.335	98.84	110.02	230.000	100.00	120.93	230.000	100.0	
13	Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu													
	Cây Lúa : - Diện tích	ha	3.948	3.948	4.200	4.035	96.07	102.20	4.035	96.07	102.20	4.200	104.09	
	- Năng suất	tạ/ha	43	42	46	23.60	50.86	56.19	23.60	50.86	54.28	45	190.68	
	Cây Lạc : - Diện tích	ha	2.001	2.001	2.120	2.001	94.38	99.99	2.001	94.38	99.99	2.100	104.96	
	- Năng suất	tạ/ha	27	27	27	26.64	97.94	98.67	26.64	97.94	97.76	28	105.11	
	Cây Khoai : - Diện tích	ha	1.177	1.177	1.450	1.105	76.23	93.91	1.105	76.23	93.91	1.400	126.66	
	- Năng suất	tạ/ha	75	75	72	77.16	106.57	102.88	77.16	106.57	103.28	80	103.68	
	Cây Ngô: - Diện tích	ha	248	248	150	281	187.25	113.25	281	187.25	113.07	300	106.81	
	- Năng suất	tạ/ha	29	29	55	34	61.58	116.79	34	61.58	115.89	35	103.34	
14.	Tổng sản lượng lương thực có hạt	tấn	17.892	17.207	20.309	10.475	51.58	60.88	10.475	51.58	58.55	19.950	190.45	
	- Lúa	tấn	17.166	16.481	19.484	9.524	48.88	57.79	9.524	48.88	55.48	18.900	198.45	
	- Ngô	tấn	726	726	825	951	115.31	131.03	951	115.31	131.03	1.050	110.38	
15.	Sản lượng lương thực bình quân đầu người	kg	180		203	105	51.73		105	51.67	58.13	198	188.78	
16	Tổng đàn trâu	con	4.063	4.063	4.100	3.658	89.22	90.03	3.658	89.22	90.03	3.700	101.15	
17	Tổng đàn bò	con	13.219	13.219	13.493	12.197	90.40	92.27	12.197	90.40	92.27	12.500	102.48	
18	Tổng đàn lợn	con	18.470	18.470	19.761	22.447	113.59	121.53	22.447	113.59	121.53	23.000	102.46	
19	Tổng đàn gia cầm	1000 con	528	528	527	520	98.67	98.48	520	98.67	98.48	550	105.77	
20	Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	5.546	3.817	6.000	4.112	68.53	107.73	5.812	96.87	104.80	6.000	103.23	
	Trong đó: Thịt lợn	Tấn	2.679	2.437	3.200	2.705	84.53	111.00	3.036	94.87	113.32	3.500	115.29	
21	Tổng số cây phân tán trồng được	Nghìn cây	42	42	45	44	97.78	104.76	44	98.00	105.00	50	113.38	
22	Tổng sản lượng ngành thủy sản	Tấn	9.384	7.968	10.000	8.516	85.16	106.88	9.822	98.22	104.66	11.000	112.00	
	Trong đó:													
	- Khai thác biển và nội địa	Tấn	7.377	6.178	8.225	6905	83.95	111.77	7.974	96.94	108.09	9.000	112.87	
	- Nuôi trồng	Tấn	2.007	1.790	1.775	1611	90.76	90.00	1.848	104.11	92.08	2.000	108.23	
23	Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	775	761	754	787	104.38	103.42	787	104.32	101.50	810	102.97	
	Trong đó:													
	- Nuôi nước ngọt	ha	270	270	306	255	83.33	94.44	255	83.24	94.33	260	102.08	
	- Nuôi mặn lợ	ha	505.0	491.0	448	532	118.75	108.35	532	118.73	105.33	550	103.40	
24	Tổng mức bán lẻ hàng hóa theo giá thực tế	Triệu đồng	1.905.558	1.797.965	2.000.000	1.951.200	97.56	108.52	2.000.000	100.00	104.96	2.300.000	115	
II	CÁC CHỈ TIÊU VĂN HÓA XÃ HỘI													
I	Dân số trung bình	Người	99.331	99.331	100.315	100.000	99.69	100.67	100.114	99.80	100.79	101.000	100.88	

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016		Năm 2017						Kế hoạch 2018	Kế hoạch 2018 so với ước thực hiện 2017 (%)	Ghi chú	
			Cả năm	10 tháng	Kế hoạch	Thực hiện 10 tháng	Thực hiện 10 tháng 2017 so với kế hoạch (%)	Thực hiện 10 tháng 2017 so với cùng kỳ (%)	Ước thực hiện cả năm	Ước thực hiện 2017 so với kế hoạch (%)				Ước thực hiện 2017 so với cùng kỳ (%)
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	8.0	8.0	7.8			-	8.0	102.56	99.63	0.78	9.75	
3	Tỷ lệ thôn, TDP đạt chuẩn văn hóa	%	62.7	62.7	70.0	73.65	105.21	117.46	74	105.21	117.46	75	101.8	
4	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	82.0	82.0	87.0	84.8	97.47	103.41	87	100.00	106.10	90	103.4	
5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	8.34	8.34	7.0	7.5	107.14	89.93	6.3	90.57	76.02	5	78.9	
6	Giảm tỉ suất sinh thô	‰	0.8	0.8	0.2	0.21	105.00	26.25	0.21	105.00	25.00	0.2	95.2	
7	Lao động được giải quyết việc làm	Người	5.000	3.900	4.000	3.430	85.75	87.95	4.000	100.00	80.00	5.000	125	
	Trong đó: Xuất khẩu lao động	Người	1.300	850	1.200	910	75.83	107.06	1.200	100.00	92.31	1.300	108	
8	Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (GD 2)	xã	17	17	18	17	94.44	100.00	17	94.44	100.00	17	100	
9	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	27	27	40	34	85.00	125.93	37	92.50	137.04	54	145.9	
	Trong đó													
	- Mức độ 1	Trường	20	20	31	25	80.65	125.00	27	87.10	135.00	41	151.9	
	- Mức độ 2	Trường	7	7	9	9	100.00	128.57	10	111.11	142.86	13	130.0	
10	Tỷ lệ hộ được dùng nước sạch	%	11	11	11.7	12	102.56	109.09	12	102.56	107.14	15	125	
11	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch	%	65	65	70	65	92.86	100.00	65	92.86	100.00	80	123.1	
12	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước HVS	%	91.7	91.7	93.0	98	105.38	106.87	98	105.38	106.87	100	102.0	
13	Tỷ lệ rác thải rắn được thu gom	%	60	60	60	60	100.00	100.00	60	100.00	100.00	80	133.33	
14	Tỷ lệ rác thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	88	88	88	88	100.00	100.00	88	100.00	100.00	90	102.27	
15	Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi suy dinh dưỡng	%	9.5	9.5	9.0	8.9	98.89	93.68	8.9	98.89	93.68	8	89.888	
16	Số bác sỹ/vận dân	BS	5.3	5.3	6.5	5.2	80.00	98.11	5.4	83.08	101.41	6.5	120.37	
17	Tỷ lệ trạm xá có bác sỹ	%	84.3	84.3	84.3	89.5	106.17	106.17	89.5	106.17	106.17	89.5	100	
18	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	%	85.1	81.3	90.2	93.9	104.10	115.46	95.0	105.32	111.63	95	100	
III	CÁC CHỈ TIÊU VỀ QUỐC PHÒNG AN NINH, NTPM													
1	Số xã, thị trấn đạt Cơ sở ATLC-SSCĐ	Xã, TT	19	19	19	19	100.00	100.00	19	100.00	100.00	19	100	
2	Số xã, thị trấn đảm bảo ổn định chính trị	Xã, TT	19	19	19	19	100.00	100.00	19	100.00	100.00	19	100	
3	Số xã về đích nông thôn mới	Xã	4	4	5	0	-	-	6	120.00	150.00	3	50	

